TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 189/2023/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 20 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M – THÀNH PHỐ H

Căn cứ khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 154/2023/TLST-VHNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

1. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1979

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 6, thị trấn Q, huyện M, thành phố H.

2. Chị Mai Thị H1, sinh năm 1983

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 6, thị trấn Q, huyện M, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh Phạm Văn H và chị Mai Thị H1 hòa giải đoàn tụ không thành.

Anh Phạm Văn H và chị Mai Thị H1 đã thực sự tự nguyện ly hôn; hai bên đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; thỏa thuận được về tài sản chung của vợ chồng và sự thỏa thuận đó đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Các nội dung thỏa thuận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận giữa các đương sự ngày 12 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận của các đương sự, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn H và chị Mai Thị H1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Phạm Văn H và chị Mai Thị H1 có 02 con chung là Phạm Mai H1 G, sinh ngày 01/01/2004 và Phạm Mai Trường G1, sinh ngày 28/6/2010. Hiện nay, cả hai con chung đang sống cùng anh H tại tổ 6, thị trấn Q, huyện M. Ly hôn, anh H và chị H1 đã thống nhất thỏa thuận đối với cháu H1 Giang đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Giao cháu Phạm Mai Trường Giang cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc Tòa án có quyết định khác. Chị H1 không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H vì anh H không yêu cầu.

Chị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng: Anh H và chị H1 đều xác định không yêu cầu giải quyết nên tòa án không xem xét.

+ Về tài sản riêng của vợ, chồng: Anh H và chị H1 đều xác định không yêu cầu giải quyết nên tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí: Số tiền tạm ứng lệ phí tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0021079 ngày 15/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M là tiền của anh Phạm Văn H. Số tiền lệ phí sơ thẩm phải nộp là 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Anh Phạm Văn H tự nguyện nộp toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm là 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0021079 ngày 15/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Anh Sơn đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã V (GCNKH số 71 quyển số 01 ngày 27/12/2002).
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Trần Minh Đăng